

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *221* /SYT-NVY

Bình Phước, ngày *13* tháng 04 năm 2018

V/v cải thiện chất lượng dịch vụ y tế công lập.

Kính gửi: Các cơ sở y tế khám chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh.

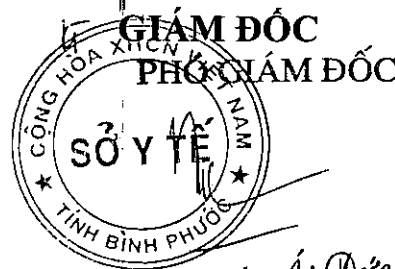
Thực hiện Báo cáo số 53/BC – UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính năm 2017, triển khai Kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch nâng cao chỉ số PAPI cấp tỉnh năm 2018.

Theo đó, Ngành y tế được giao trách nhiệm nâng cao điểm số PAPI đối với nội dung tiêu chí chất lượng dịch vụ y tế công lập. Sở Y tế giao các đơn vị y tế công lập tăng cường nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, đón tiếp và chăm sóc bệnh nhân (Chú ý cải thiện theo các tiêu chí mẫu D6 gửi kèm).

Trân trọng! *K*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Website SYT;
- Lưu VT – NVY (12.04).



Quách Ái Đức

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2017,
TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH,
KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHỈ SỐ PAPI
CẤP TỈNH NĂM 2018**

**A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
NĂM 2017, KẾT QUẢ CHỈ SỐ PAPI NĂM 2017**

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Nhằm tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính, đồng thời tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước 2016-2020 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính. Bên cạnh đó, để nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của tỉnh, UBND tỉnh ban hành văn bản gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với công tác thi đua, khen thưởng.

2. Về kiểm tra cải cách hành chính

UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính Nhà nước năm 2017 trên địa bàn tỉnh, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra tại 07 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 04 UBND huyện, thị xã.

Tổ kiểm tra liên ngành chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh, Đoàn kiểm tra công tác nội vụ do Sở Nội vụ thực hiện đã tiến hành kiểm tra tại 07 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định về danh mục dự kiến các Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh ban hành năm 2017. Theo đó, trong năm 2017 HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã thông qua và ký ban hành 67 văn bản QPPL, các văn bản được ban hành theo đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2017 được quan tâm, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2017. Theo thẩm quyền Sở Tư pháp kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Về thủ tục hành chính

Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC, năm 2017 UBND tỉnh ban hành các văn bản về hoạt động kiểm soát TTHC. Hiện nay, tổng số TTHC của tỉnh là 1.575 TTHC, trong đó: 1.277 TTHC cấp tỉnh, 215 TTHC cấp huyện và 83 TTHC cấp xã. Các TTHC đều được công khai trang www.dichvucong.binhphuoc.gov.vn. Tại các cơ quan, đơn vị đều đã niêm yết, công khai đầy đủ các TTHC tại nơi thuận tiện để nhân dân tìm đọc theo dõi. Các TTHC đều được tiến hành cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo đúng quy định. Đoàn kiểm tra kiểm soát TTHC đã tiến hành kiểm tra tại 08 sở, ban, ngành; 04 huyện, thị xã và 16 xã, phường, thị trấn.

- Về kết quả giải quyết TTHC, trong năm 2017 tiếp nhận 549.010 hồ sơ, trong đó: 541.246 hồ sơ đã giải quyết (*540.431 hồ sơ giải quyết đúng hạn, 815 hồ sơ đã giải quyết quá hạn*); 7.764 hồ sơ đang giải quyết, (*7.428 hồ sơ chưa đến hạn giải quyết; 336 hồ sơ đã quá hạn giải quyết*). Việc xin lỗi người dân, tổ chức khi giải quyết hồ sơ trễ hạn đã được thực hiện nhưng chưa đồng bộ.

b) Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Trung tâm Hành chính công tỉnh đi vào hoạt động từ ngày 28/4/2017 với phần lớn số thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm, góp phần phát huy hiệu quả hoạt động của cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông cấp tỉnh, giảm việc đi lại của người dân, doanh nghiệp, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, số hồ sơ hành chính giải quyết đúng hạn đạt tỷ lệ cao, công khai, minh bạch, bình đẳng, tạo thuận lợi hơn cho người dân, các nhà đầu tư, tổ chức và doanh nghiệp.

Cấp huyện có 11/11 huyện, thị xã có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại, cấp xã có 111/111 có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (*trong đó một số phường thuộc UBND thị xã Đông Xoài, UBND thị xã Phước Long và UBND thị xã Bình Long có Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại*).

Cơ chế một cửa liên thông được thực hiện trong giải quyết hồ sơ các dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp, trong khu công nghiệp và khu kinh tế cửa khẩu để thực hiện chính sách thu hút đầu tư.

c) Về công tác phối hợp thực hiện dịch vụ hành chính công giữa Bưu điện và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 579 TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. Bưu điện tỉnh đã ký kết thỏa thuận hợp tác chuyển phát kết quả giải quyết thủ tục hành chính với 13 sở, ban, ngành và 02 huyện, thị xã. Trong năm 2017, đã phối hợp chuyển 89.000 kết quả giải quyết thủ tục hành chính đến người dân, tổ chức, tăng 39,92% so với năm 2016.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cơ cấu tổ chức của các sở, ngành

được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, phù hợp với thực tế, hiện tỉnh có 19 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (*không kể Ban Quản lý Khu kinh tế*).

Đến nay, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã được UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo đúng hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương. Đồng thời, hướng dẫn các huyện, thị xã quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của các Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện. Ngoài ra, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã xây dựng Đề án sắp xếp các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 và Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Trong năm 2017, UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra việc hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế; Đoàn kiểm tra công tác cử tuyển trên địa bàn tỉnh.

Việc điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn; nghỉ hưu; bố trí công tác cho sinh viên tốt nghiệp diện cử tuyển; cử công chức thi nâng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính được thực hiện theo đúng quy định. Theo thẩm quyền, Sở Nội vụ đã ban hành các văn bản hướng dẫn về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức; chế độ thôi việc, nghỉ hưu đối với công chức, viên chức.

Phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức được đưa vào cài đặt và sử dụng trên địa bàn tỉnh. Đến thời điểm hiện nay, phần lớn các cơ quan, đơn vị đã cập nhật danh sách cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị mình lên phần mềm.

b) Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

Hiện nay, 100% các cơ quan thuộc tỉnh và các huyện, thị xã đã hoàn chỉnh việc sắp xếp, bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm đã được Bộ Nội vụ phê duyệt.

c) Về tổ chức thực hiện chính sách tinh giản biên chế

Năm 2017 tỉnh giản biên chế 93 trường hợp; 02 trường hợp nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 26/2015/NĐ - CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ và đợt I/2018 tỉnh tinh giản được 51 biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

d) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hành chính, viên chức các đơn vị sự nghiệp năm 2017 và Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức xã năm 2017, tỉnh đã tổ chức 36 lớp đào tạo, bồi dưỡng với 4.426 học viên.

5. Cải cách tài chính công

Tiếp tục giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính đối với 42 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, 260 cơ quan, đơn vị cấp huyện và 48 cơ quan, đơn vị cấp xã theo Nghị định số 130/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ. Đồng thời, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính cho 119 đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, 425 đơn vị sự nghiệp cấp huyện và 89 đơn vị sự nghiệp cấp xã theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

6. Hiện đại hóa hành chính

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan hành chính Nhà nước

Trong năm 2017, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh và đã triển khai, thực hiện, gồm: Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu của Văn phòng UBND tỉnh; nâng cấp Cổng thông tin điện tử của tỉnh và trang thông tin điện tử sở, ngành; triển khai một cửa điện tử tại UBND huyện Phú Riềng; tổ chức đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và xây dựng hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ tích hợp qua mạng cho các cơ quan Nhà nước.

Đến nay, 146 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản; 24 cơ quan cấp tỉnh và 11 huyện, thị xã có trang thông tin điện tử kết nối vào Cổng thông tin điện tử của tỉnh và hầu hết các cơ quan, đơn vị đều được đầu tư xây dựng mạng LAN và kết nối Internet để đảm bảo triển khai các ứng dụng phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và chuyên môn nghiệp vụ; 4.991 cán bộ, công chức, viên chức có hộp thư công vụ để trao đổi công việc; 207 TTHC dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4.

Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh được trang bị 15 điểm cầu và được duy trì hoạt động ổn định, cơ bản đáp ứng tốt về trang thiết bị, điều kiện ánh sáng, đường truyền, đảm bảo phục vụ tốt cho các cuộc họp trực tuyến.

b) Việc áp dụng ISO 9001-2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính

Trên địa bàn tỉnh có 20 cơ quan, đơn vị đã xây dựng và áp dụng ISO hành chính công vào hoạt động chuyên môn.

UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra việc xây dựng, áp dụng và duy trì HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh, theo đó, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra tại 07 cơ quan, đơn vị.

7. Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính

Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện thị xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền phổ biến, quán triệt về Chương trình cải cách hành chính của Chính phủ, Chương trình cải cách hành chính của tỉnh bằng nhiều hình thức như: Trên loa truyền thanh, bằng pano áp-phích, trang thông tin

điện tử của tỉnh www.dichvucong.binhphuoc.gov.vn. Định kỳ hàng quý phát hành bản tin cải cách hành chính và tổ chức Nhà nước.

Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Bình Phước đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyên truyền cải cách hành chính nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và uy tín của chính quyền các cấp đối với nhân dân, tổ chức để đáp ứng kỳ vọng của nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC

Năm 2017 là năm thứ hai các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện việc tự khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức trong giải quyết TTHC. Nhìn chung các cơ quan, đơn vị đều đã xây dựng Kế hoạch và tiến hành khảo sát theo quy định. Qua kết quả cho thấy các cơ quan, đơn vị tiến hành khảo sát ở hầu hết các TTHC có phát sinh hồ sơ; trên 90% người dân, tổ chức hài lòng đối với việc giải quyết thủ tục hành chính; người dân, tổ chức đánh giá công chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ lịch sự, thân thiện, tận tình, không tỏ thái độ hách dịch, những nhiễu. Thời gian giải quyết hồ sơ đa phần đúng hẹn, ngoài khoản phí đã quy định, người dân, tổ chức không phải nộp thêm khoản nào khác.

IV. KẾT QUẢ CHỈ SỐ PAPI NĂM 2017

Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (gọi tắt là PAPI) ngày càng được ghi nhận là công cụ phản ánh tiếng nói chung của người dân về mức độ hiệu quả của bộ máy nhà nước và chất lượng cung ứng dịch vụ của chính quyền các cấp. Chỉ số PAPI đã và đang tạo động lực để lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành nâng cao hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước, cung ứng dịch vụ công với mục tiêu phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Ngày 04/4/2018, tại Hà Nội Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) phối hợp với Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu phát triển và hỗ trợ cộng đồng (CECODES) công bố kết quả Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) 2017, theo đó kết quả Chỉ số PAPI năm 2017 tỉnh Bình Phước đạt 37/60 điểm nằm trong nhóm trung bình cao của cả nước, cụ thể như sau:

- Nhóm điểm cao nhất: nội dung trách nhiệm giải trình đạt 5,44 điểm và nội dung thủ tục hành chính công đạt 7,55 điểm.

- Nhóm điểm trung bình cao: nội dung trách nhiệm giải trình đạt 5,44 điểm.

- Nhóm điểm trung bình thấp: nội dung tham gia của người dân đạt 5,27 điểm và nội dung kiểm soát tham nhũng đạt 5,94 điểm.

- Nhóm điểm thấp nhất: nội dung cung ứng dịch vụ công đạt 6,88 điểm

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm

Công tác cải cách hành chính của tỉnh luôn được lãnh đạo các cấp, các

ngành quan tâm và đạt được kết quả trên các lĩnh vực: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách bộ máy; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính. Chiến lược, mục tiêu, giải pháp thực hiện cải cách hành chính phần lớn đã phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của tỉnh. Mối quan hệ giữa cơ quan hành chính với người dân, doanh nghiệp được cải thiện theo hướng phục vụ thực chất hơn.

- Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã được thực hiện theo đúng quy định, phần lớn đảm bảo về thời gian, tiến độ thực hiện, tính khả thi của từng văn bản.

- Thủ tục hành chính thường xuyên được rà soát và niêm yết công khai, rõ ràng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Trung tâm Hành chính công tỉnh đi vào hoạt động góp phần phát huy hiệu quả hoạt động của cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông cấp tỉnh, giảm việc đi lại của người dân, doanh nghiệp, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích được triển khai thực hiện và ngày càng có nhiều cơ quan, đơn vị tham gia và bước đầu có hiệu quả tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức.

- Chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các sở, ban, ngành đã được quy định theo đúng Thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành TW;

- Cải cách chế độ công vụ, công chức đã và đang được triển khai trong tất cả các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Thông qua các cuộc thanh tra, kiểm tra cải cách hành chính thường xuyên, lễ lối và phương thức làm việc đã được chấn chỉnh và ngày càng đổi mới theo hướng hiện đại.

2. Những tồn tại hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác cải cách hành chính của tỉnh vẫn còn những tồn tại, hạn chế sau:

- Hoạt động cải cách hành chính tuy đã đạt được một số kết quả song vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, một số nội dung cải cách thực hiện còn chậm.

- Công tác chỉ đạo điều hành về cải cách ở một số cơ quan, đơn vị còn chưa quyết liệt.

- Còn tồn tại tình trạng giải quyết hồ sơ TTHC trễ hẹn.

- Một số cán bộ, công chức chưa thực sự hết trách nhiệm với công tác cải cách hành chính, còn làm việc theo nguyên tắc máy móc, cứng nhắc, chưa chủ động, sáng tạo để tạo đột phá trong công tác cải cách hành chính.

- Công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức còn nhiều bất cập, chưa phản ánh đúng mức hoàn thành nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, chưa phân định rõ người làm việc tốt, tận tụy, trách nhiệm với người lười biếng, hạn chế về năng lực.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình giải quyết công việc giữa các cơ quan trên địa bàn tỉnh thiếu sự liên kết đồng bộ; số hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4 còn hạn chế; việc thực hiện chính quyền điện tử chậm được triển khai.

- Công tác tuyên truyền cải cách hành chính còn chậm và chưa đạt hiệu quả như mong đợi. Kinh phí bố trí cho công tác cải cách hành chính còn hạn chế; cơ sở vật chất, phương tiện và điều kiện làm việc phục vụ cho công tác cải cách hành chính chưa được đầu tư đúng mức.

B. NHỮNG NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2018

Ngày 28/12/2017, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3406/QĐ-UBND về Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước năm 2018 trên địa bàn tỉnh, theo đó, tập trung thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu về cải cách hành chính, như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

1. Tăng cường năng lực chỉ đạo, điều hành gắn với đẩy mạnh tham mưu, tổng hợp, triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh. Thực hiện nghiêm Chi thị số 07/CT-TTg ngày 22/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Chi thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp và Chi thị số 18/CT-UBND ngày 29/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính Nhà nước bằng nhiều hình thức, phương tiện thông tin đại chúng.

4. Tiếp tục triển khai xác định Chi số cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh.

5. Tăng cường khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính, mở rộng các tiêu chí khảo sát, số lượng phiếu khảo sát để ngày càng đảm bảo tính xác thực về mức độ hài lòng của tổ chức, công dân trong cải cách hành chính của các cấp chính quyền.

6. Triển khai thực hiện có hiệu quả việc gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với công tác thi đua, khen thưởng.

7. Tăng cường công tác giáo dục đạo đức và phẩm chất chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tận tụy phục vụ nhân dân.

8. Tiếp tục thanh tra, kiểm tra công tác cải cách hành chính; cải cách chế độ công vụ, công chức; kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiểm soát thủ tục hành chính...

II. Cải cách thể chế

1. Đổi mới và nâng cao chất lượng trong công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bảo đảm tính thống nhất, minh bạch, đồng bộ và thực thi của hệ thống văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL để triển khai kịp thời, có chất lượng các quy định của Trung ương phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của ngành, địa phương.

4. Kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa các văn bản QPPL của tỉnh để kịp thời bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành.

5. Triển khai, phổ biến kịp thời các văn bản QPPL đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân biết và thực hiện đúng pháp luật.

III. Cải cách thủ tục hành chính

1. Thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật; xây dựng quy trình, thời gian giải quyết để thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh, bảo đảm phù hợp với thực tiễn của từng ngành, từng cấp.

2. Thường xuyên rà soát để đơn giản hóa thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước. Đồng thời, công bố kịp thời, đầy đủ, minh bạch các thủ tục hành chính mới được nhà nước ban hành.

3. Cập nhật và công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính bằng các hình thức.

4. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

5. Tăng cường triển khai thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

IV. Cải cách tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế

1. Triển khai Đề án của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18,19-NQ/TW của BCH Trung ương - Khóa XII.

2. Đẩy mạnh phân cấp quản lý giữa UBND tỉnh với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và giữa UBND các huyện, thị xã với UBND các xã, phường, thị trấn.

V. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

1. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ.

2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách tinh giản biên chế (bình quân 2,5%/năm).

3. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

4. Tiếp tục chỉ đạo việc tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả quy định của Chính phủ, quy định của tỉnh về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức; lấy kết quả việc đánh giá, phân loại làm cơ sở cho việc đề xuất hình thức thi đua, khen thưởng; thực hiện tuyển dụng, nâng ngạch viên chức bảo đảm đúng các quy định về phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp; tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là ở cấp cơ sở...

VI. Cải cách tài chính công

1. Tăng cường phân cấp quản lý tài chính ngân sách Nhà nước.

2. Tiếp tục thực hiện cấp mã số ngân sách cho các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước; cấp mã số đầu tư xây dựng cơ bản.

3. Đẩy mạnh thực hiện các cơ chế quản lý tài chính mới để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh.

4. Tăng cường giao quyền tự chủ cho các đơn vị thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/06/2016 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

5. Đẩy mạnh xã hội hóa, hoàn thiện thể chế và tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư.

VII. Hiện đại hóa hành chính

1. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Nhà nước năm 2018 trên địa bàn tỉnh.

2. Tiếp tục bổ sung, nâng cấp hạ tầng về dụng công nghệ thông tin đảm bảo cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được trang bị máy tính nối mạng phục vụ công việc.

3. Tiếp tục triển khai phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc đến tất cả các đơn vị trên địa bàn tỉnh bảo đảm thông tin thông suốt, an toàn, thuận tiện, kịp thời.

4. Khai thác và sử dụng có hiệu quả hệ thống hộp thư công vụ, phấn đấu 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hộp thư công vụ để trao đổi công việc. Ứng dụng có hiệu quả chữ ký số chuyên dùng được cấp cho cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, đảm bảo 80% các cơ quan, đơn vị được tích hợp chữ ký số điện tử trong năm 2018, xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

5. Thường xuyên cập nhật thông tin và rà soát nội dung trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp và công dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, 3.

6. Thực hiện có hiệu quả hệ thống phần mềm xử lý hồ sơ Một cửa điện tử tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh và UBND các huyện, thị xã; triển khai đồng bộ hệ thống một cửa điện tử tại UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

7. Tiếp tục triển khai thực hiện việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước tỉnh trên địa bàn tỉnh.

C. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NÂNG CAO CHỈ SỐ PAPI CẤP TỈNH 2018

I. Đối với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã

1. Tập trung thực hiện toàn bộ nhiệm vụ cải cách hành chính đã được phân công tại Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước năm 2018 được ban hành kèm theo Quyết định số 3406/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh. Triển khai xuyên suốt các nhiệm vụ trọng điểm của Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh được ban hành kèm theo Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của UBND tỉnh. UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh không chấp nhận tình trạng chậm trễ, không đầy đủ, không thực chất và không hoàn thành mục tiêu đề ra.

2. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND tỉnh Quy định về khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 22/02/2016 của UBND tỉnh Quy định trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị Nhà nước về thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh; Công văn số 4002/UBND-NC ngày 28/11/2017 về việc gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với công tác thi đua, khen thưởng hàng năm và các văn bản khác có liên quan.

3. Tổ chức triển khai một cách đầy đủ, hiệu quả Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của UBND tỉnh.

II. Trách nhiệm nâng cao điểm số PAPI đối với từng nội dung

1. Đối với nội dung sự tham gia của người dân ở cấp sơ sở

UBND các huyện, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật hiện hành, như: Pháp lệnh Dân chủ cơ sở, Luật bầu cử và Luật ban hành văn bản QPPL; tạo điều kiện để người dân chủ động tham gia vào đời sống chính trị và thực thi chính sách ở địa phương; đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền đối với các quy định trên để người dân nắm

bắt và phản ánh kịp thời với chính quyền các cấp khi có biểu hiện vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức.

2. Đối với nội dung sự công khai, minh bạch

UBND các huyện, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm chỉ đạo việc công khai, minh bạch, cung cấp thông tin danh sách hộ nghèo; thu, chi ngân sách; quy hoạch, kế hoạch sử đất và khung giá đền bù ở cấp xã, phường, thị trấn đến từng hộ dân để cải thiện điểm số tại nội dung sự công khai, minh bạch, như: Công khai tại trụ sở UBND cấp xã, tại các nhà văn hóa cộng đồng hoặc trên loa truyền thanh ở các thôn, ấp và khu phố ...

3. Đối với nội dung trách nhiệm giải trình với người dân

UBND các huyện, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn cần chủ động tương tác tích cực với người dân thông qua các buổi tiếp dân định kỳ hoặc bất thường để nâng cao trách nhiệm giải trình trực tiếp với người dân (Luật Tiếp công dân năm 2013 là cơ sở pháp lý quan trọng để thúc đẩy hiệu quả tương tác giữa chính quyền và người dân).

Đề nghị UBNDTTQVN tỉnh, Huyện ủy, Thị ủy chỉ đạo nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể ở cơ sở trong việc rà soát và tìm biện pháp tăng cường hiệu quả trong việc giải trình của chính quyền với người dân; nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

4. Đối với nội dung kiểm soát tham nhũng trong khu vực công

- Thanh tra tỉnh chịu trách nhiệm cải thiện điểm số tại nội dung kiểm soát tham nhũng trong khu vực công.

- Sở Nội vụ chịu trách nhiệm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong việc tuyển dụng công chức, viên chức, tham mưu đổi mới công tác tuyển dụng công chức, viên chức, công chức cấp xã của tỉnh (nếu có) theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin vào tuyển dụng để hạn chế tiêu cực, cải thiện điểm số tại tiêu chí thành phần công bằng trong tuyển dụng vào các cơ quan, đơn vị Nhà nước.

5. Đối với nội dung thủ tục hành chính công

- Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã thường xuyên rà soát để đơn giản hóa thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực quản lý Nhà nước, đặc biệt trong các lĩnh vực đất đai, xây dựng.

- Sở Tài nguyên và môi trường chịu trách nhiệm cải thiện điểm số tại tiêu chí thành phần liên quan đến lĩnh vực đất đai, môi trường, trong đó có việc công khai, minh bạch các quy hoạch về đất đai.

- Sở Xây dựng chịu trách nhiệm cải thiện điểm số tại tiêu chí thành phần liên quan đến lĩnh vực xây dựng, trong đó có việc công khai, minh bạch các quy hoạch về xây dựng khu dân cư, khu đô thị và các dự án về xây dựng.

6. Đối với nội dung cung ứng dịch vụ công

- Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh thực hiện việc cung ứng dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 theo đúng lộ trình, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các ngành, các cấp đẩy mạnh thực hiện tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm cải thiện điểm số tại tiêu chí thành phần: Chất lượng giáo dục tiểu học công lập.

- Sở Y tế chịu trách nhiệm cải thiện điểm số tại tiêu chí thành phần: Chất lượng dịch vụ y tế công lập.

- Công an tỉnh chịu trách nhiệm cải thiện điểm số tại tiêu chí thành phần về an ninh trật tự và các lĩnh vực hành chính công do ngành Công an quản lý, thực hiện.

7. Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bình Phước chịu trách nhiệm tuyên truyền về các nội dung, tiêu chí thành phần của Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) cấp tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

8. Yêu cầu các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã định kỳ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm nâng cao chỉ số PAPI cấp tỉnh năm 2018 về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ).

Trên đây là báo cáo thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2017, Kế hoạch triển khai cải cách hành chính, Kế hoạch nâng cao chỉ số PAPI cấp tỉnh năm 2018 trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- TTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Huyện ủy, Thị ủy;
- UBND các huyện, thị xã;
- LĐVP. P. NC;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT.(T10)



Nguyễn Văn Trâm

D6.

[Người phỏng vấn đọc] Bây giờ chúng ta cùng trao đổi về một số dịch vụ xã hội của địa phương ông / bà, trước tiên là về bảo hiểm y tế.

D601. Ông/bà có thẻ bảo hiểm y tế không?

1. Có [chuyển tới D601a] 0. Không [chuyển tới D602]
 888. [KB] [chuyển tới D602]
 999. [KMTL] [chuyển tới D602]

D601a. Nếu CÓ, xin ông/bà cho biết đó là loại bảo hiểm y tế nào trong ba loại sau đây?

3. Bảo hiểm y tế bắt buộc
 2. Bảo hiểm y tế tự nguyện
 1. Bảo hiểm y tế được cấp miễn phí 888. [KB] 999. [KMTL]

D601b. Ông/bà đánh giá như thế nào về tác dụng của thẻ bảo hiểm y tế trong lần đi khám/chữa bệnh lần gần đây nhất?

4. Có tác dụng rất tốt
 3. Có tác dụng
 2. Không mấy tác dụng
 1. Không giúp được gì cả 888. [KB] 999. [KMTL]

D602. Ở xã/phường của ông/bà, người nghèo có được hỗ trợ để mua bảo hiểm y tế hay không?

1. Có 0. Không 888. [KB] 999. [KMTL]

D603. Trong hộ gia đình nhà ông/bà hiện có trẻ dưới 6 tuổi không?

1. Có [chuyển tới D603a] 0. Không [chuyển tới D604]
 888. [KB] [chuyển tới D604]
 999. [KMTL] [chuyển tới D604]

D603a. Nếu CÓ, ở xã/phường của ông/bà, trẻ em dưới 6 tuổi được miễn phí khám chữa bệnh, đúng hay không đúng?

1. Đúng [chuyển tới D603b] 0. Không đúng [chuyển tới D604]
 888. [KB] [chuyển tới D604]
 999. [KMTL] [chuyển tới D604]

D603b. Nếu ĐÚNG, ông/bà hay người thân trong gia đình có đưa con/cháu đi khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi trong một năm qua không?

1. Có [chuyển tới D603c] 0. Không [chuyển tới D604]
 888. [KB] [chuyển tới D604]
 999. [KMTL] [chuyển tới D604]

D603c. Nếu CÓ, ông/bà đánh giá dịch vụ khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi như thế nào?

5. Rất tốt 4. Tốt 3. Trung bình 2. Kém 1. Rất kém
 888. [KB] 999. [KMTL]

D604. Lần gần đây nhất ông/bà hoặc người thân trong gia đình đi khám, chữa bệnh ở một bệnh viện ở tỉnh/thành phố này là khi nào?

- NĂM [chuyển tới D604a] 0. Chưa bao giờ [chuyển tới D605]
 888. [KB] [chuyển tới D605]
 999. [KMTL] [chuyển tới D605]

Comment [d8]: To be updated in the dataset.

D604a. Lần đó, ông/bà đã đến khám, chữa bệnh tại một bệnh viện công lập của huyện/quận/thành phố/thị xã nơi ông/bà đang sinh sống, có đúng không?

1. Đúng [chuyển tới D604b] 888. [KB] [chuyển tới D605]
 0. Không đúng [chuyển tới D604f] 999. [KMTL] [chuyển tới D605]

D604b. Ai là bệnh nhân, ông/bà hay người thân trong gia đình?

2. Tôi
 1. Người thân trong gia đình tôi (xin nêu rõ).....
 888- [KB] 999- [KMTL]

D604c. Trong lần tới bệnh viện huyện/quận/thành phố, thị xã đó, ông/bà hay người thân đã ở loại phòng bệnh nào?

2. Phòng bệnh bình thường
 1. Phòng bệnh dịch vụ
 0. Điều trị ngoại trú 888- [KB] 999- [KMTL]

D604d. Về chất lượng của bệnh viện công ở huyện/quận/thành phố/thị xã nói trên, ông/bà thấy những nhận xét dưới đây đúng hay không đúng? [Người phỏng vấn khoanh tròn vào câu trả lời tương ứng trong bảng dưới đây]

	Đúng	Không đúng	[KB]	[KMTL]
a. Người bệnh không phải nằm chung giường	1	0	888	999
b. Phòng bệnh có quạt điện	1	0	888	999
c. Nhà vệ sinh sạch sẽ	1	0	888	999
d. Có cán bộ y tế trực thường xuyên	1	0	888	999
e. Thái độ phục vụ bệnh nhân của y, bác sĩ tốt	1	0	888	999
f. Chi phí khám chữa bệnh hợp lý	1	0	888	999
g. Không phải chờ đợi quá lâu mới được khám bệnh	1	0	888	999
l. Không phải trả phí ngoài quy định ('lót tay') để được điều trị tốt hơn	1	0	888	999
h. Khởi hân bệnh khi xuất viện	1	0	888	999
i. Bác sĩ không chỉ định người nhà bệnh nhân đi mua thuốc tại một nhà thuốc tư nhân	1	0	888	999
k. Nhìn chung hài lòng với dịch vụ y tế ở bệnh viện	1	0	888	999

D604e. Sau đây là một số việc mà bệnh nhân thường làm khi đi khám, chữa bệnh ở bệnh viện công lập. Trong lần khám bệnh gần đây nhất ở bệnh viện huyện /quận/thành phố/thị xã, ông/bà đã làm bao nhiêu việc trong số những việc này?

[Người phỏng vấn: Đưa người trả lời xem Bảng # 604e in ở trang 23 (Bộ phiếu hỏi A) hoặc trang 24 (Bộ phiếu hỏi B) trong Sổ tay hướng dẫn phỏng vấn, và ghi lại con số người trả lời đưa ra vào ô trống (...). Yêu cầu không gợi ý câu trả lời.]

(Bộ phiếu hỏi A)	(Bộ phiếu hỏi B – trang 24)
<ul style="list-style-type: none"> - Mua thức ăn ở căng tin bệnh viện - Ngủ qua đêm ở bệnh viện - Mua thuốc ở cửa hàng thuốc của bệnh viện <p>..... VIỆC [Người phỏng vấn ghi một trong các số từ 0-3 để thể hiện tổng số việc người trả lời đã làm.] <input type="checkbox"/> 888-[KB] <input type="checkbox"/> 999-[KMTL]</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mua thức ăn ở căng tin bệnh viện - Ngủ qua đêm ở bệnh viện - Chi thêm tiền để được điều trị tốt hơn - Mua thuốc ở cửa hàng thuốc của bệnh viện <p>..... VIỆC [Người phỏng vấn ghi một trong các số từ 0-4 để thể hiện tổng số việc người trả lời đã làm.] <input type="checkbox"/> 888-[KB] <input type="checkbox"/> 999-[KMTL]</p>

<i>[Nếu 604e > 0 => chuyển tới D604e1]</i> <i>Nếu D604e = 0, hoặc KB, hoặc KMTL => chuyển tới D605]</i>	<i>[Nếu 604e > 0 => chuyển tới D604c1]</i> <i>Nếu D604e = 0, hoặc KB, hoặc KMTL => chuyển tới D605]</i>
---	---

D604e1. *[Nếu D604e > 0]* Từ tất cả những việc ông/bà đã làm trong lần đi khám, chữa bệnh đó, ông/bà đã chi trả tổng số là bao nhiêu tiền cho tất cả những việc đã làm ở bệnh viện/huyện/quận/thị xã/thành phố đó? Ông/bà chỉ cần cho biết tổng số tiền cho tất cả các chi phí đã thanh toán, mà không cần nêu rõ số tiền cho từng mục chi.

[Người phỏng vấn: Nhắc lại tổng số việc người trả lời phỏng vấn đã trả lời ở câu hỏi D606 ở trên, mở lại trang 23 (Bộ phiếu hỏi A) hoặc trang 24 (Bộ phiếu hỏi B) trong Sổ tay hướng dẫn phỏng vấn để giúp người trả lời nhớ lại những việc họ đã làm. Ghi lại tổng số tiền mà người trả lời đưa ra vào phần (...) trong khoảng giá trị ≥ 0 , trong đó '0' = 'không phải chi đồng nào'; >0 là các giá trị tương ứng với tổng số tiền người trả lời cho biết đã chi.]

.....VND

888-[KB][chuyển tới D605] 999-[KMTL][chuyển tới D605]

D604f. *[Nếu KHÔNG ở D604a]* Vậy ông/bà hay người thân đã đi khám, chữa bệnh ở đâu?

3. Bệnh viện tỉnh/thành phố
 2. Bệnh viện trung ương đóng tại tỉnh/thành phố
 1. Bệnh viện tư nhân
 7. Nơi khác (xin nêu rõ).....
 888. [KB] 999. [KMTL]

[Người phỏng vấn đọc] Bây giờ tôi xin được trao đổi về giáo dục tiểu học ở địa phương.

D605. Học sinh tiểu học công lập ở địa phương của ông/bà được miễn học phí (không kể những khoản đóng góp xây dựng trường và các khoản đóng góp khác), đúng hay không?

1. Đúng 0. Không đúng 888. [KB] 999. [KMTL]

D606. Trong hộ gia đình ông/bà, hiện nay có bao nhiêu trẻ trong độ tuổi từ 6 đến 14?

1. TRẺ *[chuyển tới D606a]* 0. Không có *[chuyển tới D607]*
 999. [KMTL] *[chuyển tới D607]*

D606a. Trong đó, mấy cháu trai, mấy cháu gái?

2. Trẻ em gái: 1. Trẻ em trai: 999. [KMTL] *[chuyển tới D607]*

D606b. Mấy cháu trong số đó đi học tiểu học trong trong năm học vừa qua?

1. TRẺ *[chuyển tới D606ba]* 0. Không có *[chuyển tới D607]*
 999. [KMTL] *[chuyển tới D607]*

D606ba. Trong đó, mấy cháu trai, mấy cháu gái?

2. Trẻ em gái: 1. Trẻ em trai: 999. [KMTL] *[chuyển tới D607]*

D606c. Cháu/các cháu đi học ở trường tiểu học công lập trong tỉnh/thành phố này, đúng hay không?

1. Đúng *[chuyển tới D606ca]* 0. Không đúng *[chuyển tới D607]*
 888. [KB] *[chuyển tới D607]*
 999. [KMTL] *[chuyển tới D607]*

D606ca. Các cháu phải đi bao xa để đến trường tiểu học công lập đó?

- KM 888. [KB]